

Số: 15/2023/QĐST-KDTM

Quận Hai Bà Trưng, ngày 19 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số **03/2023/TLST-KDTM** ngày 12/01/2023 về việc: ***Tranh chấp hợp đồng tín dụng.***

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (B1)

Trụ sở chính: Số A phố T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Đức T** – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đoàn Việt N** – Giám đốc Chi nhánh Sở G - Ngân hàng TMCP Đ.

Trụ sở: Số A phố B, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền lại:

1. Bà Lã Thị Lan H – Phó Giám đốc Chi nhánh Sở G;

2. Ông Phạm Mạnh H1 – Phó trưởng phòng KHDN6.

3. Ông **Hoàng Ngọc B** – Chuyên viên phòng KHDN6;
4. Ông **Nguyễn Thế T1** – Chuyên viên Phòng quản lý rủi ro 1.

- **Bị đơn:** Công ty Cổ phần Đ1

Trụ sở chính: Tầng F, Tòa nhà V, số 1 phố D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đinh Ngọc L** - Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Đào Thị Kim T2** – sinh năm 1965; HKTT: Nhà A36, tập thể Trung ương Đ, tổ A, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Nguyễn Xuân M** – sinh năm 1941
2. Bà **Nguyễn Thị P** – sinh năm 1949
3. Ông **Nguyễn Xuân H2** – sinh năm 1983

Cùng HKTT: Tổ D, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Đào Thị Kim T2** – sinh năm 1965; HKTT: Nhà A36, tập thể Trung ương Đ, tổ A, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ tín dụng: Xác định tính đến hết ngày 10/4/2023, Công ty Cổ phần Đ1 còn nợ Ngân hàng TMCP Đ (B1) – chi nhánh S tổng số tiền là: 4.204.622.896 đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm linh bốn triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng*). Trong đó: Dư nợ gốc: 2.980.000.000 đồng; dư nợ lãi: 697.172.329 đồng, dư nợ quá hạn: 386.997.123 đồng, lãi chậm trả: 140.453.444 đồng.

2.2. Về phương án và thời hạn thanh toán:

+ Đợt 1 (Chậm nhất ngày 30/5/2023): Công ty Đ1 trả cho Ngân hàng số tiền gốc là: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng chẵn*).

+ Đợt 2 (Chậm nhất ngày 30/6/2023): Công ty Đ1 trả Ngân hàng toàn bộ số tiền còn lại là 3.704.622.896 đồng (*Ba tỷ, bảy trăm linh bốn triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng*) và lãi, phí phát sinh đến ngày thực tế tất toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/11127855/HĐTD ký ngày 16/05/2019 giữa Công ty CP Đ1 và Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh S1.

Trường hợp Công ty Đ1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ đợt trả nợ nào nói trên thì Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh S1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, cưỡng chế, xử lý/ phát mại tài sản bảo đảm để ưu tiên thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của Công ty Đ1 tại B1 SGD1. Tài sản bảo đảm cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ: Số E ngõ B phố K, phường G, quận H, thành phố Hà Nội, thuộc thửa đất số: 13a, tờ bản đồ số: 5H-IV-31, diện tích: 36,8 m², nhà ở: diện tích xây dựng: 32,0 m², diện tích sàn: 58,0 m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác

gắn liền với đất số **CS222529** do Sở tài nguyên và môi trường TUQ UBND thành phố H cấp ngày 10/7/2019, mang tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là Công ty Cổ phần Đ1. Phạm vi bảo đảm: toàn bộ nghĩa vụ của Công ty Đ1 tại Ngân hàng. Biện pháp bảo đảm được đăng ký ngày 16/7/2019.

Trường hợp số tiền thu được từ phát mại/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của Công ty Đ1 tại Ngân hàng, Công ty Đ1 chịu trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng bằng các tài sản khác của Công ty.

2.3. Về án phí: Công ty Cổ phần Đ1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 56.102.311 đồng (Bằng chữ: *Năm mươi sáu triệu, một trăm linh hai nghìn, ba trăm mười một đồng*).

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ (B1) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.013.403 đồng (Bằng chữ: *Năm mươi sáu triệu, không trăm mười ba nghìn, bốn trăm linh ba đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/**0013162** ngày 12/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đặng Hoàng Phương